

CHIẾN LƯỢC HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Đánh giá thực trạng chính sách thuế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và vừa được hỗ trợ giảm gánh nặng chi phí tuân thủ trên cơ sở những quy định về ngưỡng doanh thu kê khai thuế giá trị gia tăng; áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng giản đơn; giảm tần suất kê khai thuế giá trị gia tăng và áp dụng chế độ thuế khoán như sau:

Thứ nhất, quy định ngưỡng doanh thu. Điều 1, 11 Luật số 21/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng quy định hai mức ngưỡng doanh thu:

+ Doanh nghiệp có doanh thu kê khai thuế giá trị gia tăng là 100 triệu đồng/năm. Doanh nghiệp siêu nhỏ có doanh thu hàng năm từ 100 triệu đồng trở xuống sẽ được miễn kê khai, nộp thuế Doanh nghiệp có doanh thu kê khai thuế giá trị gia tăng là 100 triệu đồng/năm. Quy định này sẽ giúp nhóm doanh nghiệp siêu nhỏ này giảm toàn bộ gánh nặng thuế nói chung và chi phí tuân thủ nói riêng.

+ Ngưỡng doanh thu đăng ký kê khai nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là 1 tỷ đồng/năm. Theo đó, doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 1 tỷ đồng trở xuống sẽ được lựa chọn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ hoặc phương pháp tính thuế giản đơn (trực tiếp trên doanh thu). Nếu doanh nghiệp không đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì cơ quan quản lý thuế sẽ mặc định áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn. Với quy định này, doanh nghiệp vẫn có thể phát hành hóa đơn khi giao dịch với doanh nghiệp lớn nhưng được nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính thuế giản đơn. Quy định này giúp doanh nghiệp giảm đáng kể gánh nặng chi phí tuân thủ thuế do quy định phải lưu giữ đầy đủ hóa đơn chứng từ nếu thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thứ hai, áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng giản đơn, tức là theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu. Phương pháp này được áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ và doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới 1 tỷ đồng. Doanh nghiệp vẫn có thể phát hành hóa đơn nhưng được áp dụng tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp giản đơn này.

Số thuế giá trị gia tăng phải nộp = Doanh thu x tỷ lệ% tính thuế.

Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định khác nhau đối với các ngành nghề:

- + Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%;
- + Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- + Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%;
- + Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

Thứ ba, giảm tần suất kê khai: Theo Điều 11 Nghị định Số 83/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý thuế, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được ưu đãi, giảm tần suất kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng. Doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ 20 tỷ đồng trở xuống được kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quý. Với quy định này, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được giảm tần suất kê khai thuế giá trị gia tăng (giảm từ 12 lần/năm xuống 4 lần/năm), góp phần giảm chi phí tuân thủ thuế.

Thứ tư, áp dụng chế độ thuế khoán. Chế độ thuế khoán hiện nay được áp dụng cho các doanh nghiệp có mức doanh thu trên ngưỡng kê khai thuế giá trị gia tăng và không đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ kế toán hóa đơn, chứng từ; không đăng ký thuế. Thuế khoán được áp dụng hiện nay thay cho các loại thuế gián thu, như thuế giá trị gia tăng, thuế tài nguyên.

Số thuế giá trị gia tăng khoán = tỷ lệ tính thuế giá trị gia tăng x Doanh thu khoán.

Căn cứ tài liệu kê khai của người nộp thuế về doanh thu, sản lượng và giá bán, cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế, Chi cục Thuế phối hợp với hội đồng tư vấn thuế xã, phường ấn định doanh thu khoán. Số thuế khoán được xác định trong một năm và nộp theo tháng. (Điều 19 Thông tư 28/2011/TT-BTC)

Đối với chính sách giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong thuế thu nhập doanh nghiệp chưa có quy định cụ thể. Hiện nay mới chỉ có quy định ưu đãi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Theo quy định của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, số 32/2013/QH13, doanh nghiệp nhỏ và vừa sẽ được hưởng mức thuế suất thấp hơn. Đối với doanh nghiệp có tổng doanh thu hàng năm không quá 20 tỷ đồng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trong khi đó mức thuế suất phổ thông là 22%. Tiêu chí để xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp là doanh thu, giống như trong luật thuế giá trị gia tăng. Đây cũng là một bước tiến quan trọng trong việc đặt nền móng xây dựng chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp hỗ trợ giảm gánh nặng thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Hiện nay có khoảng 87,5% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng dịch vụ hỗ trợ về thuế. Để đánh giá mức độ hiệu quả của một số quy định hỗ trợ giảm chi phí tuân thủ thuế cho doanh nghiệp cần phải tiến hành phát phiếu điều tra cho phép doanh nghiệp cho điểm đối với các quy định này.

Trong số các hoạt động hỗ trợ về thuế cho doanh nghiệp, quy định kê khai thuế điện tử và cho phép doanh nghiệp tự in hóa đơn được cộng đồng doanh nghiệp rất hoan nghênh với điểm số 4,48 và 4,45. Trong đó có tới 52% ý kiến rất hài lòng. Doanh nghiệp bàng quang về các hỗ trợ: Quy định về ưu đãi thuế; Hướng dẫn các quy định về thuế mới; Quy định về trích lập quỹ khoa học - công nghệ được đánh giá với mức độ hài lòng đạt xấp xỉ 3 điểm. Trong đó có khoảng 30% ý kiến hài lòng.

Các hoạt động hỗ trợ khác: hỗ trợ thủ tục kê khai, nộp thuế; giải quyết hoàn thuế; giải quyết khiếu nại; quy định về khấu hao nhanh đều bị đánh giá ở mức dưới trung bình, có số điểm lần lượt là: 2,63; 2,58 và 2,46 với khoảng 30% ý kiến ít hài lòng.

Như vậy có thể nói hoạt động hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp hiện nay chưa thực sự tốt, đặc biệt là công tác giải quyết hoàn thuế và khiếu nại về thuế. Vì vậy, trong thời gian tới để giảm gánh nặng thuế cho doanh nghiệp nói chung và cho DNNVV nói riêng, ngành thuế cần nâng cao và hoàn thiện công tác hỗ trợ thuế cho doanh nghiệp: từ thông tin, các quy định mới về thuế cho tới giải quyết việc hoàn thuế và khiếu nại.

2. Căn cứ hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam

Hướng hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa cần được xây dựng trên cơ sở các chủ trương của Nhà nước trong việc hoạch định chính sách thuế và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, bao gồm chiến lược cải cách hệ thống thuế, kế hoạch phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và chính sách hỗ trợ phát triển.

2.1 Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020

Một trong những căn cứ quan trọng để hoàn thiện chính sách thuế trong thời gian tới là chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020, đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 17 tháng 05 năm 2011.

Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2020 đặt mục tiêu sửa đổi, bổ sung các quy định về thuế nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách thuế theo hướng đồng bộ, thống nhất, công bằng, hiệu quả phù hợp với thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển. Chiến lược cải cách đối với một số nội dung cụ thể như sau:

Đối với thuế giá trị gia tăng

Thứ nhất, nghiên cứu giảm bớt số lượng nhóm hàng hóa dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng để việc tính thuế, khấu trừ thuế không bị ngắt quãng giữa các khâu trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Thứ hai, hoàn thiện phương pháp tính thuế, tiến tới cơ bản thực hiện phương pháp khấu trừ thuế.

Thứ ba, áp dụng một mức thuế suất (không kể mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu).

Thứ tư, quy định về ngưỡng doanh thu để áp dụng hình thức kê khai thuế giá trị gia tăng phù hợp.

Đối với thuế thu nhập doanh nghiệp

Thứ nhất, thực hiện điều chỉnh giảm mức thuế suất chung theo lộ trình phù hợp để thu hút đầu tư, tạo điều kiện để doanh nghiệp có thêm nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để đẩy mạnh đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, đơn giản hóa chính sách ưu đãi thuế theo hướng hẹp về lĩnh vực, tiếp tục khuyến khích đầu tư vào các ngành sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng lớn, các ngành công nghiệp hỗ trợ, sử dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, dịch vụ chất lượng cao, lĩnh vực xã hội hóa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

Thứ ba, bổ sung quy định về các khoản chi phí được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Đối với công tác quản lý thuế

Thứ nhất, đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính thuế tạo thuận lợi cho người nộp thuế tự nguyện tuân thủ pháp luật thuế, giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế.

Thứ hai, chuẩn hóa quy trình quản lý thuế trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao;

Thứ ba, xây dựng và áp dụng chế độ kế toán thuế giản đơn đảm bảo ghi chép đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

Thứ tư, nghiên cứu việc xã hội hóa đối với dịch vụ hỗ trợ về thuế.

Thứ năm, sửa đổi quy định về thời gian khai thuế, nộp thuế để giảm tải suất kê khai, nộp thuế; thay đổi phương pháp tính thuế, mức thuế theo hướng đơn giản, tạo thuận lợi cho người nộp thuế kinh doanh dưới “ngưỡng tính thuế giá trị gia tăng”.

Đối với công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Thứ nhất, phân loại người nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế;

Thứ hai, xây dựng, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử; cung cấp các dịch vụ tra cứu hoặc trao đổi thông tin điện tử về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế;

Thứ ba, khuyến khích, hỗ trợ pháp triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế.

Đối với việc ứng dụng công nghệ thông tin và cơ sở vật chất

Thứ nhất, xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế đầy đủ, chính xác, tập trung thống nhất trên phạm vi cả nước;

Thứ hai, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế có tính liên kết, tự động hóa cao, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử;

Thứ ba, xây dựng hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, trụ sở làm việc, trang thiết bị tiên tiến, hiện đại, đồng bộ.

Đối với công tác thanh tra, kiểm tra

Thứ nhất, nâng cao năng lực hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát sự tuân thủ của người nộp thuế theo phương thức kiểm tra, thanh tra trên cơ sở quản lý rủi ro.

Thứ hai, áp dụng phương pháp thanh tra máy tính, kỹ năng thanh tra theo chuyên đề

Đối với vấn đề tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực

Thứ nhất, xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý theo nhóm đối tượng hợp lý, khoa học, hiệu quả.

Thứ hai, đổi mới chế độ ủy nhiệm thu thuế gắn với việc tổ chức, sắp xếp lại các đội thuế xã, phường, đội thuế liên xã phường để công tác quản lý thuế hiệu quả.

Thứ ba, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn cán bộ công chức thuế theo từng lĩnh vực công tác, vị trí công việc; đổi mới phương thức đánh giá, phân loại cán bộ công chức hàng năm.

Thứ tư, tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu theo từng chức năng quản lý cho cán bộ, công chức thuế.

2.2 Chủ trương của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Nhận thức được vai trò quan trọng của doanh nghiệp nhỏ và vừa, Chính phủ đã sớm có chủ trương hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Chủ trương đó đã được cụ thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật định hướng hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngày 23 tháng 11 năm 2001, Chính phủ ban hành Nghị định 90/2001/NĐ-CP về trợ giúp phát triển doanh nghiệp

nhỏ và vừa. Đó là cột mốc đầu tiên thể hiện chủ trương phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam. Năm 2009, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định 56/2009/NĐ-CP, quy định cụ thể hơn những giải pháp và nguồn kinh phí để trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Một số nội dung trong nhóm giải pháp về trợ giúp tài chính và thông tin được quy định cụ thể như sau:

Giải pháp trợ giúp tài chính:

Thứ nhất, khuyến khích thành lập quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ hai, ban hành cơ chế khuyến khích và dành một số dự án hỗ trợ kỹ thuật để tăng cường năng lực cho các tổ chức tài chính phù hợp mở rộng tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với doanh nghiệp nhỏ và vừa, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ về tư vấn tài chính, quản lý đầu tư và các dịch vụ hỗ trợ khác cho khách hàng là đối tượng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ ba, Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực lập dự án, phương án kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của tổ chức tín dụng khi thẩm định hồ sơ vay vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thứ tư, thành lập Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; Ủy thác cho các tổ chức tín dụng cho vay ưu đãi các doanh nghiệp nhỏ và vừa có dự án đầu tư khả thi thuộc lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích của Nhà nước và phù hợp với mục đích hoạt động của Quỹ.

Giải pháp trợ giúp về thông tin và tư vấn:

Thứ nhất, cung cấp thông tin về các văn bản pháp luật, các chính sách, chương trình trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các thông tin khác hỗ trợ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ hai, khuyến khích các tổ chức trong và ngoài nước cung cấp dịch vụ tư vấn cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa là chiến lược lâu dài, nhất quán trong chương trình hành động của Chính phủ và là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển kinh tế của quốc gia. Vì vậy, hoàn thiện chính sách thuế nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa phải phù hợp với đòi hỏi

của thực tiễn và chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

